

Overall length	Thread length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	Ds	K	ℓk

JIS

①

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

②

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

③

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

④

Hand Taps

⑤

Cemented
Carbide Taps

⑥

Roll Taps

⑦

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑧

Pipe Taps

⑨

Thread Mills

⑩

Dies

⑪

Center Drills
Centering Tools

JIS

⑧-89

NPS

Hand Tap Dành Cho Ren Ống Song Song Chuẩn Mỹ (Hand Taps for American Parallel Pipe Threads)

Thông Số Kỹ Thuật



Khuyến nghị tốc độ cắt gọt dựa trên vật liệu gia công

Thép Các Bon Thấp
(Low carbon steels)
低炭素鋼
5~10
(m/min)

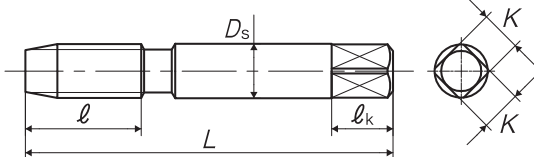
Thép Các Bon Trung Bình
(Medium carbon steels)
中炭素鋼
5~10
(m/min)

Thép Các Bon Cao
(High carbon steels)
高炭素鋼
5~10
(m/min)

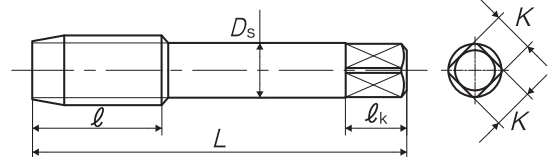
- Mũi taro NPS là một “hand tap” dành cho các ren ống song song chuẩn Mỹ và được sử dụng cho các sản phẩm mà mục đích chính là làm kín bằng mối ghép ren trong kết nối các bộ phận của đường ống và những thứ tương tự.



TYPE :1



TYPE :2



Segment : 1G

Size	Class	Code	Chamfer	Basic major dia (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓk (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Ống Song Song Chuẩn Mỹ (American Parallel Pipe Threads)												
1/16-27 NPS	ANSI G	TNPS01L	5P	7.770	54	17	8	6	9	4	1	¥ 4,040
1/8-27 NPS	ANSI G	TNPS02L	5P	10.117	55	19	8	6	9	4	2	¥ 4,040
1/4-18 NPS	ANSI G	TNPS04O	5P	13.426	62	28	11	9	12	4	2	¥ 5,920
3/8-18 NPS	ANSI G	TNPS06O	5P	16.866	65	28	14	11	14	4	2	¥ 9,810
1/2-14 NPS	ANSI G	TNPS08Q	5P	20.980	80	35	18	14	17	4	2	¥ 16,000
3/4-14 NPS	ANSI G	TNPS12Q	5P	26.325	85	35	23	17	20	4	2	¥ 26,600
1 -11.5 NPS	ANSI G	TNPS16T	5P	32.934	95	45	26	21	24	5	2	¥ 49,500
1 1/4-11.5 NPS	ANSI G	TNPS20T	5P	41.689	105	45	32	26	30	5	2	¥ 76,100
1 1/2-11.5 NPS	ANSI G	TNPS24T	5P	47.760	110	45	38	29	32	6	2	¥ 108,000
2 -11.5 NPS	ANSI G	TNPS32T	5P	59.797	120	50	46	35	38	6	2	¥ 180,000